

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 302/2025/DS-PT

Ngày: 22-7-2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán nhiên liệu và kiện đòi
tài sản*”

NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Toàn

Các thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Nguyễn Trung Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán nhiên liệu và kiện đòi tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 219/2025/QĐ-PT ngày 03/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 568/2025/QĐ-PT ngày 01/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hoàng Xuân T, sinh năm 1955.

Địa chỉ: 5, đường B, Tổ D, khu phố D, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

2. Bị đơn: Công ty TNHH T2.

Địa chỉ trụ sở: Tổ A, ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn P - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Trần Văn P, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Số nhà C, khu E, ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai (nay là xã P, tỉnh Đồng Nai).

3.2. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1960.

Địa chỉ: 3, đường D, tổ F, khu phố F, phường T, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hoàng Xuân T.

(Ông T, ông Vũ Xuân T1 có mặt; ông P, bà L vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

** Nguyên đơn ông Hoàng Xuân T trình bày:*

Từ năm 2010 đến năm 2016, ông có đồ xăng dầu tại cây xăng 222 thuộc Công ty TNHH T2, do ông Trần Văn P làm Giám đốc. Hai bên thỏa thuận đồ xăng ghi nợ, thanh toán theo hình thức gói đầu. Cụ thể phía Công ty lập sổ ghi chép riêng và khi xe ông đến đồ xăng thì ghi số tiền đồ xăng vào sổ và yêu cầu tài xế ký tên vào sổ. Đến giữa tháng hoặc cuối tháng thì thanh toán nợ, mỗi lần thanh toán thì phía công ty sẽ viết giấy biên nhận việc thanh toán và giao lại cho người trả tiền. Việc mua bán và thanh toán đến tháng 9/2016 thì ông P đã bán cây xăng và yêu cầu ông thanh toán nợ. Tuy nhiên, sau khi thanh toán xong, ông T về tính toán lại và đối chiếu sổ ghi chép và biên nhận mới phát hiện ông P có nhận của ông số tiền 112.000.000 đồng mà không chuyển kế toán để trừ nợ. Cụ thể:

Số tiền không nhập sổ là 110.000.000 đồng được thể hiện qua các biên nhận ông P đã giao nộp gồm: Biên nhận ngày 15/4/2011 số tiền 30.000.000 đồng, Biên nhận ngày 19/12/2011 số tiền 40.000.000 đồng; Biên nhận ngày 25/04/2013 số tiền 40.000.000 đồng, số tiền này ông P không nhập sổ nhưng vẫn tính lãi.

Số tiền tính toán sai là 2.000.000 đồng được thể hiện tại sổ ghi chép tháng 4/2012 là 1.000.000 đồng, số tiền này là ông T đưa tiền mặt nhưng ông P vẫn ghi sổ và cộng vào nợ, cụ thể số tiền từ ngày 02/4/2012 đến ngày 30/4/2012 số tiền $19.432.770đ + 12.520.050đ + 4.857.800đ + 480.000đ = 37.290.620đ$ nhưng ông P cộng thêm 1.000.000 đồng nên sổ thể hiện là 38.290.620 đồng. Số tiền 1.000.000 đồng còn lại được thể hiện ở tháng 5/2013, cụ thể: tổng 193.462.675đ, ngày 20/5 trả 40.000.000 đồng còn lại 153.462.675đ, đúng ra là phải còn 153.462.675đ. Ngoài ra, ông P nhận số tiền 40.000.000 đồng do ông trả vào ngày 15/4/2012 nhưng đến tháng 8/2012 mới nhập sổ và ông P vẫn tính tiền lãi.

Số tiền ông P nhận không nhập sổ là 110.000.000 đồng nhưng ông P vẫn tính lãi từ tháng 4/2011 đến tháng 10/2016, tính lãi 2,2% cụ thể: Số tiền 30.000.000 đồng ông P tính lãi từ tháng 4/2011 đến tháng 12/2011 số tiền 5.704.673đ; tháng 12/2011 cộng với số tiền 40.000.000 đồng 19/12/2011 là 75.000.000đ, tiếp tục tính lãi số tiền từ tháng 12/2011 tháng 4/2012, lãi suất 2,2% số tiền 84.406.743 đồng cộng với 1.000.000đ ngày 27/4/2012 = 85.406.743 đồng, tiếp tục tính lãi từ tháng 5/2012 đến tháng 4/2013, lãi suất 2,2% = 112.835.228 đồng cộng thêm 40.000.000 ngày 25/4/2013 thành 152.835.228 đồng, tiếp tục tính lãi từ tháng 4/2013 đến tháng 10/2016, lãi suất 2,2% = 381.079.979đ.

Các lần tính lãi này được thể hiện trong sổ ghi chép của ông T tự ghi chép, chưa được đối chiếu với ông P về việc ông P có tính số tiền lãi này, ngoài ra không còn tài liệu nào khác thể hiện nội dung này. Số tiền này ông P cứ cộng dồn cả gốc lẫn lãi và tiếp tục tính lãi cho các lần sau. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lại tổng số tiền là 381.079.979 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì ông thừa nhận hai bên có chót nợ vào ngày 30/10/2016 và ông còn nợ số tiền 142.267.203 đồng, thừa nhận có ký tên vào sổ ghi nợ ngày 30/10/2016 do bị đơn cung cấp. Qua yêu cầu của bị đơn ông không đồng ý vì phía bị đơn đã không nhập sổ, tính toán sai, thực tế ông không nợ của bị đơn.

** Bị đơn Công ty TNHH T2 do ông Trần Văn P là đại diện theo pháp luật trình bày:*

Ông là giám đốc công ty TNHH T2 (gọi tắt là Công ty T2), từ năm 2008 đến tháng 10/2016 ông T có đồ xăng, dầu tại cây xăng B thuộc công ty TNHH T2. Hai bên thoả thuận mua bán xăng, dầu ghi nợ theo hình thức gởi đầu. Cụ thể bên Công ty sẽ lập sổ ghi chép riêng và khi ông T đến đồ xăng thì nhân viên ghi số tiền vào sổ và yêu cầu ký xác nhận. Đến cuối tháng Công ty tiến hành xuất hoá đơn và giữa tháng sau ông T sẽ thanh toán. Đến năm 2010 trở đi, ông T không thanh toán hết số nợ mà mỗi tháng chỉ trả một phần nợ. Trong thời gian này công ty có báo với ông T tính lãi ông T đồng ý, nhưng mức lãi chỉ áp dụng đối với số tiền ghi nợ được tính qua tháng sau, phần được thanh toán trong tháng thì sẽ không tính lãi.

Đến tháng 10/2016 hai bên tổng kết nợ với tổng số tiền ông T còn nợ công ty là 142.267.203 đồng, ông T có xác nhận số nợ trên vào sổ ghi chép. Nay yêu cầu ông T trả lại số tiền còn nợ là 142.267.203 đồng và tiền nợ lãi phát sinh đến tháng 8/2020 là 106.913.790 đồng, tổng cộng là 249.180.993 đồng.

Đối với các biên nhận ngày 15/4/2011 và ngày 25/4/2013 ông T giao nộp thì ông P thừa nhận có ký tên, chữ ký Trần Văn P là do ông ký và viết ra, còn biên nhận do bà Phan Hoàng N là kế toán của Công ty nhận thì ông không xác định được chữ ký có phải của bà N hay không.

Theo ông T kê khai thì tổng cộng số tiền Công ty đã nhận của ông T nhưng không nhập sổ, tính toán sai, không nhập sổ nhưng vẫn tính lãi là 381.079.979 đồng là không chính xác vì thực tế ông T còn nợ tiền của Công ty thì không thể trả dư được, việc thu chi của Công ty có biên nhận, hoá đơn rõ ràng, không có sự việc thu mà không nhập sổ, ông P thừa nhận vào ngày 20/5/2013 ông T trả 40.000.000 đồng nhưng khi tính toán thì nhân viên tính toán sai cụ thể: $193.462.675đ - 40.000.000đ = 153.462.675đ$ không phải 154.462.675đ. Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông không đồng ý.

Bị đơn có yêu cầu phản tố: Yêu cầu ông T cùng vợ là bà Hoàng Thị L có trách nhiệm trả lại cho Công ty số tiền còn nợ là 142.267.203 đồng và tiền lãi phát sinh đến tháng 8/2020 là 106.913.790 đồng, tổng cộng là 249.180.993 đồng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L trình bày:*

Bà là vợ của ông T, việc ông T đổ xăng của công ty T2 thì bà không biết, qua yêu cầu phản tố của bị đơn bà cũng đồng ý cùng ông T trả nợ cho công ty T2.

** Tại bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán:*

Căn cứ vào:

- Các điều 26; 35; 39; 147; 217, 218, 227, 228, 244, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 164, 166 và Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn Công ty TNHH T2 trả lại cho nguyên đơn ông Hoàng Xuân T số tiền là 112.000.000 đồng (*Một trăm mười hai triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Xuân T, về việc yêu cầu bị đơn Công ty TNHH T2 trả lại số tiền 269.079.979 đồng (*Hai trăm sáu mươi chín triệu không trăm bảy mươi chín nghìn chín trăm bảy mươi chín đồng*).

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Trần Văn P (do có đơn xin rút yêu cầu phản tố), về việc yêu cầu nguyên đơn ông Hoàng Xuân T thanh toán số tiền nợ và lãi phát sinh số tiền là 249.180.993 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn chín trăm chín mươi ba đồng*).

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty TNHH T2 (do được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt) về việc yêu cầu nguyên đơn ông Hoàng Xuân T thanh toán số tiền nợ và lãi phát sinh cho Công ty số tiền là 249.180.993 đồng (*Hai trăm bốn mươi chín triệu một trăm tám mươi nghìn chín trăm chín mươi ba đồng*).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 18/9/2024 nguyên đơn ông Hoàng Xuân T kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm hoặc buộc Công ty T2 và ông P trả lại số tiền đã trả dư và 03 hóa đơn ông P nhận tiền nhưng không vô sổ. Tổng cộng là 381.079.979 đồng.

Tại phiên tòa, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án. Không đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

** Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*

- Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định và đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cụ thể:

Theo trình bày của ông Hoàng Xuân T, từ năm 2010 đến năm 2016 ông đồ xăng tại cây xăng B thuộc Công ty T2, do ông Trần Văn P làm giám đốc tuy nhiên tại hồ sơ thể hiện cây xăng 222 thuộc Công ty TNHH B1, theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì đại diện theo pháp luật là ông P. Cấp sơ thẩm thu thập giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH T2 năm 2015 không có thể hiện Công ty TNHH B1 là chi nhánh của Công ty T2, tại Điều lệ Công ty T2 lại thể hiện có thành viên là Công ty TNHH B1 và Công ty TNHH T3 là chưa đầy đủ cơ sở xác định bị đơn là Công ty T2. (BL 446-447, 425-445)

Tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên, đăng ký lần thứ 7, ngày 07/4/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cung cấp ghi nhận người đại diện theo pháp luật của Công ty T2 là ông Vũ Xuân T1. Cấp sơ thẩm xác định ông Trần Văn P là đại diện theo pháp luật của Công ty là không đúng. (BL 628)

Bà N là người nhận số tiền 40.000.000 đồng theo biên nhận ngày 18/12/2011 của ông T, qua đối chiếu không thể hiện số tiền này được nhập vào sổ

ghi nợ nên cần phải đưa bà N tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải người làm chứng như cấp sơ thẩm ghi nhận.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

Ông T trình bày từ năm 2010 đến năm 2016, ông đổ xăng dầu tại cây xăng B thuộc Công ty TNHH B1, do ông Trần Văn P làm Giám đốc cũng là chi nhánh của Công ty TNHH T2. Hai bên thỏa thuận đổ xăng ghi nợ, thanh toán theo hình thức gởi đầu. Công ty lập sổ ghi chép riêng và khi xe ông đến đổ xăng thì ghi số tiền đổ xăng vào sổ và yêu cầu tài xế ký tên vào sổ. Đến giữa tháng hoặc cuối tháng thì thanh toán nợ, mỗi lần thanh toán thì phía công ty sẽ viết giấy biên nhận việc thanh toán và giao lại cho người trả tiền. Việc mua bán thanh toán đến tháng 9/2016 thì ông P đã bán cây xăng và yêu cầu thanh toán nợ. Tuy nhiên, sau khi thanh toán xong, ông T về tính toán lại, đối chiếu sổ ghi chép và biên nhận mới phát hiện ông P có nhận số tiền 112.000.000 đồng mà không chuyển kế toán trừ nợ thể hiện qua biên nhận ngày 15/4/2011 số tiền 30.000.000 đồng, biên nhận ngày 19/12/2011 số tiền 40.000.000 đồng, biên nhận ngày 25/4/20213 số tiền 40.000.000 đồng, số tiền này ông P không nhập sổ mà vẫn tính lãi nên số tiền ông T trả nhiều hơn số dầu thực tế đã đổ là 381.079.979 đồng.

Tuy qua đối chiếu các biên nhận ngày 15/4/2011 số tiền 30.000.000 đồng, biên nhận ngày 19/12/2011 số tiền 40.000.000 đồng, biên nhận ngày 25/4/20213 số tiền 40.000.000 đồng mà ông P, bà N thừa nhận đã nhận của ông T với bảng tổng hợp công nợ qua các năm do ông P đại diện Công ty T2 cung cấp thể hiện có nhận tiền nhưng không ghi nhận số tiền này vào sổ nợ, vẫn tính vào công nợ và chốt theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/10/2016 là chiếm hữu tài sản không có căn cứ pháp luật theo Điều 165 BLDS 2015. Nhưng cấp sơ thẩm buộc Công ty T2 phải trả số tiền 112.000.000 đồng là không có căn cứ vì những biên lai đó do cá nhân ông P, bà N ký nhận không phải Công ty T2. Hiện tại ông P không phải là đại diện theo pháp luật của Công ty nên Công ty T2 chưa có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ngoài ra, tại tài liệu mà ông P cung cấp là sổ ghi đối chiếu công nợ thể hiện có lãi trả chậm 2,2% từ BL 322- đến BL 332 có chữ ký chốt sổ giữa hai bên nhưng chưa được cấp sơ thẩm làm rõ người ký chốt sổ là ai để làm rõ có số tiền ông T đã trả mà ông P không ghi vào sổ nợ vẫn bị tính lãi hay không để xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu sót, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, nhận thấy cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, chưa thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ nên cần hủy bản án sơ thẩm để cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết lại theo đúng quy định pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Xuân T; Hủy bản án sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Xuân T làm trong thời hạn và đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tố tụng: Công ty TNHH T2, ông Trần Văn P, bà Hoàng Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Về thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng:

- Ngày 26/7/2024 Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST-DS ấn định thời gian mở phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút, ngày 13/8/2024 và đã tổng đạt thành cho nguyên đơn ông Hoàng Xuân T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị L bằng đường bưu điện còn bị đơn Công ty TNHH T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P được niêm yết hợp lệ.

- Ngày 13/8/2024 bị đơn Công ty TNHH T2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn P vắng mặt lần thứ nhất nên Tòa án cấp sơ thẩm ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2024/QĐST-DS và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 06/9/2024, đã tổng đạt thành cho nguyên đơn ông T bằng đường bưu điện, người liên quan ông Trần Văn P được niêm yết hợp lệ. Đối với bị đơn Công ty TNHH T2 cấp sơ thẩm không thực hiện việc tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa số 371/2024/QĐST-DS ngày 13/8/2024 lại tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn với lý do đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3.2] Về người tham gia tố tụng:

Qua tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, ông Hoàng Xuân T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T2; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn P -

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc có trách nhiệm thanh toán lại số tiền đã trả dư và 03 hóa đơn ông P nhận tiền nhưng không vào sổ cùng lãi suất. Cá nhân ông Trần Văn P có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn ông T thanh toán số tiền nợ trong hợp đồng mua bán xăng, dầu. Sau đó, ông P với tư cách cá nhân có đơn xin rút đơn phản tố, xác định số tiền nợ nêu trên thuộc về công nợ của Công ty và Công ty có yêu cầu phản tố yêu cầu nguyên đơn thanh toán nợ, không phải cá nhân ông P.

Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định ông T là nguyên đơn, Công ty TNHH T2 là bị đơn và ông P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết hậu quả của việc đình chỉ yêu cầu phản tố của cá nhân ông P đã rút yêu cầu là đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, ngày 22/3/2024 Tòa án cấp sơ thẩm có Công văn số 195/CV-TA yêu cầu Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cung cấp thông tin, tài liệu về Công ty TNHH T2.

Ngày 10/4/2024 Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ có Công văn số 214/ĐKKD phúc đáp Công văn số 195/CV-TA của TAND huyện Định Quán thể hiện:

Thông tin đăng ký doanh nghiệp: Công ty TNHH T2 được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702003404; đăng ký lần đầu ngày 21/01/2008; cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3600974472, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 07/4/2022; Địa chỉ trụ sở chính tại: Quốc lộ B, tổ A, ấp A, xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; Người đại diện theo pháp luật là ông Vũ Xuân T1, chức danh: Chủ tịch công ty kiêm Giám đốc (gửi kèm Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 07/4/2022 bản in trên Hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia có đóng dấu treo của Phòng Đăng ký kinh doanh).

Qua xem xét giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 07/4/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh cung cấp thể hiện:

Công ty TNHH T2; người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn P - Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên kiêm Giám đốc hiện không còn mà đã chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và thay đổi chủ sở hữu Công ty T2 do ông Vũ Xuân T1- Chức vụ: Chủ tịch công ty kiêm giám đốc là chủ sở hữu.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay có mặt ông Vũ Xuân T1 trình bày: Ông xác định đã nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty TNHH T2 từ các thành viên của Công ty vào ngày 31/3/2022, ông đã thực hiện thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty TNHH một thành viên T2 do ông làm chủ sở hữu và đã được Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 07/4/2022.

Ông T1 xác định ông là chủ doanh nghiệp nhưng ông không nhận được bất cứ giấy tờ gì từ Tòa án nhân dân huyện Định Quán nên ông không biết hiện Tòa án đang giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T có liên quan đến Công ty của ông. Ngày 09/7/2025 ông nhận được quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai ông mới biết Tòa án mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 22/7/2025 nên hôm nay ông đến Tòa và biết được sự việc, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Từ đó cho thấy, cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH một thành viên T2 do ông Vũ Xuân T1 là chủ sở hữu vào tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn để giải quyết vụ án mà vẫn để Công ty TNHH T2 (hiện không còn) là bị đơn và giải quyết buộc Công ty TNHH T2 có trách nhiệm thanh toán nợ cho nguyên đơn là không đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại điểm c khoản 2, 3 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, vì vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Do Bản án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng phải hủy nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu kháng cáo của đương sự về nội dung tranh chấp.

[4] Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên án phí sơ thẩm sẽ được quyết định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí phúc thẩm: Ông T thuộc đối tượng người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hoàng Xuân T.

Tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 41/2024/DS-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân khu vực 7- Đồng Nai (trước đây là Tòa án nhân dân huyện Định Quán) giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND khu vực;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Văn Toàn